

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh  
hợp nhất quý 1 -2026

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
(QUÝ 1 - 2026)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ I/2025	QUÝ I/2026	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	202.585.193.845	379.743.482.890	177.158.289.045	187,45
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.012.963	259.407.998	255.395.035	6.464,25
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		202.581.180.882	379.484.074.892	176.902.894.010	187,32
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	106.910.563.021	232.856.834.085	125.946.271.064	217,81
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.670.617.861	146.627.240.807	50.956.622.946	153,26
6	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21				-	
7	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	23.711.999.628	28.915.418.170	5.203.418.542	121,94
8	Chi phí tài chính	23	VI.28	249.940.053	1.314.359.062	1.064.419.009	525,87
9	Trong đó : Chi phí lãi vay	24				-	
10	Chi phí bán hàng	25		3.552.227.412	2.610.680.242	(941.547.170)	73,49
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		22.641.217.198	22.484.102.589	(157.114.609)	99,31
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.939.232.826	149.133.517.084	56.194.284.258	160,46
13	Thu nhập khác	31		6.808.817.763	5.546.721.010	(1.262.096.753)	81,46
14	Chi phí khác	32		4.366.381.041	4.531.820.661	165.439.620	103,79
15	Lợi nhuận khác ( 40 = 31 -32 )	40		2.442.436.722	1.014.900.349	(1.427.536.373)	41,55
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		95.381.669.548	150.148.417.433	54.766.747.885	157,42
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	19.193.079.661	31.469.909.219	12.276.829.558	163,96
18	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		121.629.448	121.629.448	
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60		76.188.589.887	118.556.878.766	42.368.288.879	155,61
20	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		65.324.374.110	104.517.422.598	39.193.048.488	160,00
21	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.864.215.777	14.039.456.168	3.175.240.391	129,23
22	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		752	1.203		
23	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		752	1.203		

Trong Quý I/2025: Sản lượng tiêu thụ là: 1.348,91 tấn; Giá bán bình quân: 57.734.868VND/tấn.

Trong Quý I/2026: Sản lượng tiêu thụ là: 4.182,80 tấn; Giá bán bình quân: 50.576.469VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 1/2026 cao hơn quý 1/2025. Nhưng giá bán bình quân thấp hơn quý 1/2025.

(giá bán bình quân quý 1/2026 thấp hơn : 7.158.399 VND/tấn hay giảm 12,40 % so với quý 1/2025.

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 1/2026 tăng: 56.194.284.258 VND hay tăng 60,46% so với quý 1/2025.

+ Lợi nhuận khác quý 1/2026 giảm: 1.427.536.373 VND hay giảm 58,45 % so với quý 1/2025 .

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý I/2026 tăng : 42.368.288.879 VND hay tăng: 55,61% so với quý I/2025.

Nơi nhân:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu ( b)



Hồ Cường